

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 26 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Hiền và ông Bùi Xuân Hưởng

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Anh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST- HS ngày 16 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/9/1970 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ I, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường L, tỉnh Lào Cai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Phạm Văn T1 (đã chết) và bà Hà Thị L (đã chết); Bị cáo có chồng là Đặng Văn L1 (đã ly hôn) và có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực **thành phố L**. Có mặt

2. Đinh Thị L2, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/7/1970 tại tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường C, tỉnh Lào Cai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Đinh Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Bị cáo có chồng là Nguyễn Hồng S và có 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực **thành phố L**. Có mặt

3. Đinh Thị M, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/12/1965 tại tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường C, tỉnh Lào Cai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Đinh Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Bị cáo có chồng là Vũ Lương S1 (đã chết) và có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị

bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2025, đến ngày 09/7/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt

4. Nguyễn Thị Thu T2, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/5/1994 tại tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường C, tỉnh Lào Cai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Nguyễn Hồng S và bà Đinh Thị L2; Bị cáo có chồng là Hồ Sỹ T3 và có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2025 tại tổ A, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường C, tỉnh Lào Cai). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 5/2025, Phạm Thị T hỏi vay tiền Trung Quốc của Nguyễn Thị H (sinh năm: 1968, nơi ở: Số A N, phường L, tỉnh Lào Cai) 300.000 nhân dân tệ, mục đích để trả nợ cho chủ hàng bên Trung Quốc, H đồng ý và bảo khi nào có tiền sẽ nhắn tin. Đến khoảng 07 giờ ngày 21/05/2025, Phạm Thị T đang ở tại nhà riêng thì được Nguyễn Thị H nhắn tin Zalo cho T là: “có đồ”, T hiểu ý là có tiền Trung Quốc để ở nhà Nguyễn Thị H (số tiền mà T đã hỏi vay H từ trước) nên đã qua nhà Nguyễn Thị H tại Số A N, phường L, tỉnh Lào Cai để lấy tiền. Thời điểm này Nguyễn Thị H đang đi du lịch nên đã nhờ ông Hà Minh H1 đưa tiền Trung Quốc mà H đã để chuẩn bị sẵn ở nhà cho T. Sau đó, Phạm Thị T điều khiển xe mô tô Honda AirBlade mang Biển kiểm soát: 24B2 - 750.05 đi từ số nhà G, đường N đến số nhà A, đường N, phường L để lấy tiền Trung Quốc. Phạm Thị T đi đến trước cửa số nhà A đường N thì dựng xe đi vào trong nhà và bấm chuông cửa, vào trong nhà thì ông Hà Minh H1 đưa cho T số tiền 300.000 nhân dân tệ. Phạm Thị T cầm tiền để vào trong túi xách, đi ra xe mô tô để về nhà riêng tại số nhà G, đường N, phường L, tỉnh Lào Cai. Khi về nhà Phạm Thị T chia nhỏ số tiền 300.000 nhân dân tệ thành các cọc tiền nhỏ, mỗi cọc tiền gồm 15.000 Nhân dân tệ hoặc 20.000 Nhân dân tệ, buộc trong các túi nilon màu đen và màu trắng (để không nhìn thấy tờ tiền trong túi), bản thân Phạm Thị Thu C vào trong túi riêng số tiền 50.000 nhân dân tệ để vận chuyển qua Trung Quốc. Khi chia các cọc tiền xong và để trên bàn tại phòng khách nhà Phạm Thị T. Phạm Thị T gọi điện cho Đinh Thị L2 và rủ L2 “có đi chợ không” (nghĩa là rủ L2 sang Trung Quốc để xách hàng thuê hoặc mua hàng mang về Việt Nam bán), L2 trả lời là “Có”. Sau đó, Đinh Thị L2 gọi điện thoại cho Đinh Thị M (chị ruột của L2) và Nguyễn Thị Thu T2 (con gái của L2) đi cùng L2 để “đi chợ”, L2 không nói trước cho M và T2 biết là đi đến nhà Phạm Thị T. Đinh Thị L2 điều khiển xe mô tô chở Đinh Thị M đi trước, còn Nguyễn Thị Thu T2 điều khiển xe đi một mình đi theo sau. Khi 02 xe mô tô đến nhà Phạm Thị T tại số nhà G N, L2, T2 dựng xe trước cửa nhà, Phạm Thị T mở cửa để T2, L2, M đi vào nhà. Đinh Thị L2 đi vào nhà Phạm Thị T trước, khi vào trong nhà thì T bảo với L2 là có 15 vạn ở đây, cầm giúp chị sang Trung Quốc (L2 hiểu là T có 150.000 Nhân dân tệ nhờ L2 cầm hộ sang Trung Quốc), sau đó T đưa cho L2 150.000 Nhân dân tệ để sẵn trong 09 túi nilon màu đen và trắng. Sau khi lấy tiền từ Phạm Thị T, lúc này Đinh Thị M đang ở trong nhà và cởi áo mưa thì L2 đưa cho

M 03 túi nilon đựng tiền Trung Quốc (bên trong có 50.000 Nhân dân tệ) và nói là: “cầm hộ chị T tiền sang Trung Quốc” (không nói cho M là có bao nhiêu tiền). Sau khi đưa xong cho Đinh Thị M túi nilon tiền thì Nguyễn Thị Thu T2 cởi áo mưa từ ngoài cửa đi vào nhà T, Đinh Thị L2 tiếp tục đưa cho T2 03 túi nilon đựng tiền và nói: “Cầm hộ mẹ tiền sang Trung Quốc” (lúc này T2 hiểu là trong các túi nilon này đựng tiền và cần mang qua cửa khẩu sang Trung Quốc), lúc này Đinh Thị L2 không nói cho Nguyễn Thị Thu T2 là trong túi nilon trên có bao nhiêu tiền Trung Quốc. Sau khi nhận túi nilon đựng tiền thì Nguyễn Thị Thu T2 cầm 03 túi nilon này và cất vào túi rồi ra ngoài cửa. Sau đó Đinh Thị L2 hỏi Phạm Thị T là: “có còn không để em cầm đi trước”, thấy vậy Phạm Thị T đưa cho L2 thêm 03 túi nilon đựng tiền, không nói cho L2 là có bao nhiêu tiền (trong 03 túi nilon này đựng 60.000 Nhân dân tệ), L2 cầm 03 túi nilon này và cất vào túi đeo ở người 02 túi nilon và ra cửa đưa cho M 01 túi nilon. Sau đó Đinh Thị L2, Đinh Thị M và Nguyễn Thị Thu T2 đi trước đến hầm gửi xe của khách sạn S2 tại phường L, tỉnh Lào Cai để gửi xe và đến Cửa khẩu quốc tế L3 để làm thủ tục xuất cảnh. Còn Phạm Thị T đi sau, trên người T cất giấu 03 túi nilon đựng 50.000 Nhân dân tệ và cất trong cốp xe 02 túi nilon đựng 40.000 Nhân dân tệ (mục đích cũng để mang sang Trung Quốc) và đi đến khách sạn S2 để gửi xe rồi đi bộ đến Cửa khẩu quốc tế L3 để làm thủ tục xuất cảnh. Trước khi đến cửa khẩu thì Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M và Nguyễn Thị Thu T2 đều cất giấu tiền trong giày, để vào trong túi xách mang theo người. Khi xuất cảnh sang Trung Quốc, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 đi trước qua nhà điều hành và không làm thủ tục khai báo hải quan đối với số tiền cất giấu trên người, khi đi qua luồng xuất cảnh thì lực lượng Bộ đội Biên phòng yêu cầu vào phòng nghiệp vụ làm việc. Phạm Thị T đi sau cũng không làm thủ tục khai báo hải quan đối với số tiền cất giấu trên người nên lực lượng Bộ đội Biên phòng cửa khẩu đã yêu cầu T vào phòng nghiệp vụ để làm việc, cụ thể:

- Phạm Thị Thu T4 lấy trong túi vải màu đen, trên quai túi có dòng chữ "JIELANGSHI" đang đeo trên người 01 (một) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, gồm 200 (hai trăm) tờ; lấy trong giày đang đi trên người ra 02 (hai) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, mỗi cọc được gói kín trong túi nilon, bên trong có 150 (một trăm năm mươi) tờ; mở rộng kiểm tra phát hiện trong cốp xe Biển kiểm soát 24B2- 750.05 do Phạm Thị T điều khiển số tiền 40.000 CNY; (tổng số tiền là 90.000 CNY).

- Nguyễn Thị Thu T2 tự lấy trong túi da màu đen, đang đeo trên người 01 (một) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, gồm 200 (hai trăm) tờ; lấy trong giày đang đi trên người ra 02 (hai) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, các cọc tiền đều được gói kín trong túi nilon bên trong có 150 (một trăm năm mươi) tờ; (tổng số tiền là 50.000 CNY).

- Đinh Thị M tự lấy trong túi vải màu đen nhãn hiệu “YUESITE” đang đeo trên người 02 (hai) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, mỗi cọc gồm 200 (hai trăm) tờ; lấy trong giày đang đi trên người ra 02 (hai) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, các cọc tiền đều được gói kín trong túi nilon bên trong có 150 (một trăm năm mươi) tờ; (tổng số tiền là 70.000 CNY).

- Đinh Thị L2 tự lấy trong túi vải màu đen, trên túi có dòng chữ “VE LOVE L” đang đeo trên người 03 (ba) cọc tiền Trung Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, mỗi cọc gồm 200 (hai trăm) tờ; lấy trong giày đang đi trên người ra 02 (hai) cọc tiền Trung

Quốc mệnh giá 100 CNY/tờ, các cọc tiền đều được gói kín trong túi nilon bên trong có 150 (một trăm năm mươi) tờ; (tổng số tiền là 90.000 CNY).

Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L3 đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Thị T, Nguyễn Thị Thu T2, Đinh Thị L2, Đinh Thị M; tạm giữ niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngày 21/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thị T tại số nhà G, đường N, tổ I, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai - nay là phường L, tỉnh Lào Cai. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 07/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã tiến hành làm việc với Nguyễn Thị H. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H khai nhận đã cho Phạm Thị T vay số tiền 300.000 nhân dân tệ, tuy nhiên H không biết mục đích Phạm Thị T sử dụng vào việc gì, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Thị T. Nguyễn Thị H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A06.

Ngày 21/5/2025, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế L3 đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-TCGD gửi Phòng K1 Công an tỉnh L, trưng cầu giám định số tiền 300.000 nhân dân tệ. Tại kết luận giám định số 160/KL-KTHS ngày 22/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Toàn bộ số tiền Trung Quốc 300.000 nhân dân tệ gửi giám định đều là tiền thật.

Ngày 22/5/2025, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế L3 có công văn đề nghị Ngân hàng N chi nhánh tỉnh L cung cấp tỷ giá hối đoái giữa đồng nhân dân tệ (CNY) và đồng Việt Nam. Ngày 23/5/2025 Ngân hàng N chi nhánh tỉnh L cung cấp tỷ giá hối đoái và quy đổi như sau: Tỷ giá mua vào niêm yết giữa đồng nhân dân tệ (CNY) và Việt Nam đồng ngày 21/5/2025 là: 1CNY = 3.500VNĐ. Tổng cộng 300.000 CNY thành tiền Việt Nam là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 21/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ra Quyết định trưng cầu giám định số 2411/QĐ-CSKT, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh L giám định đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 do bà Nguyễn Thị H giao nộp. Tại kết luận giám định số 212/KL-KTHS ngày 24/6/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Trong mẫu cần giám định, khôi phục, trích xuất được 17 danh bạ, 24 lịch sử cuộc gọi, 15 tin nhắn SMS, 01 file hình ảnh lưu trữ. Không lọc được dữ liệu theo nội dung yêu cầu giám định do không có căn cứ xác định dữ liệu nào liên quan đến vụ án.

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 15/7/2025 của VKSND khu vực 6 - Lào Cai truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Đinh Thị M, Đinh Thị L2 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận: toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai trình bày lời luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 về tội về tội

“Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự; và Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Điều 17, 58, 38 BLHS, xử phạt Phạm Thị T 05 năm 03 tháng tù đến 05 năm 06 tháng về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 17, 58, Điều 35 BLHS, Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Đinh Thị L2, số tiền 1.200.000.000 đồng đến 1.300.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 35 BLHS, Phạt tiền 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với Đinh Thị M;

Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 35 BLHS, Phạt tiền 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị Thu T2;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước, xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội của tang, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có nhận thức hiểu biết pháp luật. Mặc dù biết vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới là vi phạm pháp luật, nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Ngày 21/5/2025 bị cáo Phạm Thị T đã cùng các bị cáo Đinh Thị L2, Đinh Thị M và Nguyễn Thị Thu T2 có hành vi che giấu cơ quan chức năng, không kê khai, không làm thủ tục khai báo hải quan để vận chuyển trái phép từng số tiền khác nhau, với tổng số là 300.000 nhân dân tệ (tương đương với số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) từ Việt Nam sang Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế L3.

Về hành vi cụ thể của từng bị cáo được xác định như sau:

Đối với bị cáo Phạm Thị T là người trực tiếp vận chuyển số tiền 90.000 nhân dân tệ để mang sang Trung Quốc (trong đó có 50.000 nhân dân tệ đã vận chuyển sang Trung Quốc và 40.000 nhân dân tệ cất giấu trong cốp xe để mang sang Trung

Quốc). Ngoài ra Phạm Thị T còn nhờ Đinh Thị L2 vận chuyển hộ số tiền 210.000 nhân dân tệ. Vì vậy, Phạm Thị T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và chịu trách nhiệm với tổng số tiền vận chuyển trái phép là 300.000 nhân dân tệ (tương đương với số tiền 1.050.000.000 đồng).

Đối với bị cáo Đinh Thị L2 là người được bị cáo Phạm Thị T nhờ vận chuyển hộ số tiền 210.000 nhân dân tệ (không hưởng tiền công vận chuyển). Bị cáo Đinh Thị L2 không biết việc Phạm Thị T mang sẵn trên người số tiền 50.000 nhân dân tệ và cất giấu trong cốp xe 40.000 nhân dân tệ để vận chuyển trái phép sang Trung Quốc. Do vậy, bị cáo Đinh Thị L2 đồng phạm với Phạm Thị T về hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới với vai trò sau bị cáo Thị T và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vận chuyển số tiền 210.000 nhân dân tệ (tương đương với số tiền 735.000.000 đồng).

Bị cáo Đinh Thị M và bị cáo Phạm Thu T5 là người đi cùng bị cáo Đinh Thị L2 để đi sang Trung Quốc làm thuê (Đinh Thị M đi cùng xe với Đinh Thị L2, Phạm Thu T5 là con gái Đinh Thị L2), cả M và T5 đều không được L2, T thông báo về việc vận chuyển tiền tệ qua biên giới, khi đi đến nhà T, L2 là người đưa tiền cho M và T5 cầm hộ và không nói số tiền là bao nhiêu và không được hưởng tiền công, do đó M và T5 không phải đồng phạm với Đinh Thị L2 và chỉ phải chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới với số tiền Đinh Thị L2 nhờ cầm hộ.

Do đó bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 15/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Đinh Thị M, Phạm Thu T5 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, đồng thời gây mất trật tự trị an trên địa bàn tỉnh Lào Cai và tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Đinh Thị L2, sau khi thụ lý vụ án, chồng bị cáo là Nguyễn Hồng S đã nộp số tiền 1 tỷ đồng để bảo đảm thi hành án

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải vì vậy cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đinh Thị M và Nguyễn Thị Thu T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 khi phạm tội đang có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Các bị cáo Đinh Thị L2, Đinh Thị M đều đã từng tham gia dân công hỏa tuyến; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị

Thu T2, mỗi bị cáo tự nguyện nộp 500.000 đồng khắc phục hậu quả; Quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo đã tham gia ủng hộ xóa nhà tạm sau cơn bão Yagi trên địa bàn xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai; Bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 có bố mẹ đẻ là Đinh Thị L2 và ông Nguyễn Hồng S đã tham gia dân công hỏa tuyến. Ngoài ra trong quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 đều thực hiện tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 300.000 nhân dân tệ thu giữ trong quá trình bắt quả tang các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 đã được niêm phong vào các túi, gửi tại Phòng giao dịch số A - Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII, xét thấy đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864825066859609/00; Số IMEI 2: 864825066859617/00 thu giữ của Phạm Thị T; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter, màu sơn đỏ đen, Biển kiểm soát: 24P3-8629, số máy 034635, số khung Y034635; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352339311661033/01; IMEI 2: 353139771661039/01 thu giữ của Đinh Thị L2, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận sử dụng điện thoại để liên lạc, bị cáo Đinh Thị L2 sử dụng xe máy để vận chuyển tiền sang khu vực cửa khẩu để làm thủ tục xuất cảnh, do đó cần tịch thu để nộp ngân sách nhà nước;

+ 01 (một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc số Y0419317 mang tên Phạm Thị T; 01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số H2934748 mang tên Nguyễn Thị Thu T2; 01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số H2990147 mang tên Đinh Thị M; 01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số: H2934749 mang tên Đinh Thị L2; 01 (một) túi vải màu đen trên quai túi có dòng chữ "JIELANGSHI", 01 (một) sổ màu nâu bên trong ghi tên các cá nhân và số tiền (Phạm Thị T khai là sổ ghi hàng) thu giữ của Phạm Thị T; 01 (một) túi da màu đen thu giữ của Nguyễn Thị Thu T2; 01 (một) túi vải màu đen nhãn hiệu "YUESITE" thu giữ của Đinh Thị M; 01 (một) túi vải màu đen, trên túi có dòng chữ "VE LOVE L" thu giữ của Đinh Thị L2; 01 (một) đôi giày vải màu đen trắng có in dòng chữ "DSEIGN" của Phạm Thị T; 01 (một) đôi giày vải màu hồng của Nguyễn Thị Thu T2; 01 (một) đôi giày vải màu đen trắng, trên giày có gắn tem ghi nhiều dòng chữ nước ngoài thu giữ của Đinh Thị M; 01 (một) đôi giày màu đen trắng thu giữ của Đinh Thị L2. Cả túi và giày đều được các bị cáo sử dụng cất giấu tiền để vận chuyển trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc nên xác định là phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Lead, màu sơn đen, Biển kiểm soát: 24B1-566.48, số máy 0141032, số khung Y084917; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1:

353888104970885; Số IMEI 2: 353888104862991 thu giữ của Nguyễn Thị Thu T2, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp, tuy nhiên bị cáo còn phải thi hành án nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu tím, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357865261836105/01; Số IMEI 2: 358164361836101/01 thu giữ của Đinh Thị M, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo còn phải thi hành án nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng do các bị cáo Đinh Thị L2, Đinh Thị M và Nguyễn Thị T2 nộp để khắc phục hậu quả đã được chuyển vào tài khoản kho bạc của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L tại Phòng G - Kho bạc nhà nước khu vực VIII, cần chuyển sang tài khoản của cơ quan thi hành án để đảm bảo thi hành án.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thị H (Sinh năm 1968, Nơi ở: Số A N, phường L, tỉnh Lào Cai), quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị H chỉ là người cho Phạm Thị T vay tiền, không biết và không liên quan đến việc Phạm Thị T vận chuyển trái phép tiền qua biên giới. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Hà Minh H1 (Sinh năm 1965, Nơi thường trú: Tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai - nay là phường L, tỉnh Lào Cai), quá trình điều tra xác định Hà Minh H1 chỉ là người được Nguyễn Thị H nhờ đưa tiền cho Phạm Thị T, không biết và không liên quan đến việc Phạm Thị T vận chuyển trái phép tiền qua biên giới. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

1.2. Về hình phạt:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Thị L2 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Thời hạn thi hành án tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo biên lai thu tiền số 126 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Căn cứ vào Khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Thị M 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Thời hạn thi hành án tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 189; điểm n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). thời hạn thi hành án tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

2.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- Số tiền 300.000 nhân dân tệ thu giữ trong quá trình bắt quả tang các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 đã được niêm phong vào các túi, gửi tại Phòng giao dịch số A - Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864825066859609/00; Số IMEI 2: 864825066859617/00 thu giữ của Phạm Thị T;

-01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter, màu sơn đỏ đen, Biển kiểm soát: 24P3-8629, số máy 034635, số khung Y034635; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A26 5G màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352339311661033/01; IMEI 2: 353139771661039/01 thu giữ của Đinh Thị L2;

2.2. Tịch thu tiêu hủy:

-01 (một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc số Y0419317 mang tên Phạm Thị T; 01 (một) túi vải màu đen trên quai túi có dòng chữ “JIELANGSHI”; 01 (một) sổ màu nâu bên trong ghi tên các cá nhân và số tiền (Phạm Thị T khai là sổ ghi hàng); 01 (một) đôi giày vải màu đen trắng có in dòng chữ “DSEIGN” thu giữ của Phạm Thị T;

-01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số H2934748 mang tên Nguyễn Thị Thu T2; 01 (một) túi da màu đen; 01 (một) đôi giày vải màu hồng thu giữ của Nguyễn Thị Thu T2;

-01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số H2990147 mang tên Đinh Thị M; 01 (một) túi vải màu đen nhãn hiệu “YUESITE”; 01 (một) đôi giày vải màu đen trắng, trên giày có gắn tem ghi nhiều dòng chữ nước ngoài thu giữ của Đinh Thị M;

-01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh số: H2934749 mang tên Đinh Thị L2; 01 (một) túi vải màu đen, trên túi có dòng chữ “VE LOVE L”; 01 (một) đôi giày màu đen trắng thu giữ của Đinh Thị L2;

2.3. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

-Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu T2: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Lead, màu sơn đen, Biển kiểm soát: 24B1-566.48, số máy 0141032, số khung Y084917; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353888104970885; Số IMEI 2: 353888104862991.

- Tạm giữ của bị cáo Đinh Thị M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu tím, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357865261836105/01; Số IMEI 2: 358164361836101/01;

-Tạm giữ của các bị cáo Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) hiện tạm gửi tại tài khoản số 394909051074 tại Ngân hàng TMCP Đ của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh L theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/6/2025.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thị T, Đinh Thị L2, Đinh Thị M, Nguyễn Thị Thu T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh + KV 6;
- Các bị cáo;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án phạt tù;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ + TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Minh Yên